



shàng shí

上十

numeral phrase · over ten

Example Sentences

zhè ge bān yǒu shàng shí gè xué shēng
这个班有 上 十 个 学 生。

This class has over ten students.

Tā mǎi le shàng shí běn shū
他买了 上 十本书。

He bought over ten books.

Trace each character, then write the word on your own.